

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nam và bà Nguyễn Thị Phương Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Đào Văn T, sinh năm 1968 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn L và bà Ngô Thị Đ (đều đã chết); có vợ Lại Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/7/1990 bị Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 16 năm tù về tội “Cướp tài sản xã hội chủ nghĩa và cướp tài sản công dân”; ngày 28/01/2011 bị Công an huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính số tiền 700.000 đồng về hành vi cung cấp địa điểm cho hoạt động mại dâm; ngày 08/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 năm 3 năm 2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đình Thi là Luật sư của Công ty Luật TNHH Hà Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Lê Thế A, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Lại Thị L, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 17/3/2020, Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L, và Lê Thế A gặp nhau ở thành phố P, cả ba cùng rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng, K và Thế A mỗi người góp số tiền 200.000 đồng, L góp 100.000 đồng và đưa cho Thế A cầm. Cả ba cùng thuê xe ô tô taxi (không nhớ BKS) chở đến nhà Đào Văn T (là người cùng thôn với K) để mua ma túy, trên đường đi K gọi điện thoại cho T và nói "*Chú có nhà không để cháu năm trăm*", T hiểu ý K hỏi mua ma túy nên trả lời "*Không có nhà, khi nào về tao gọi*" rồi tắt máy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, K tiếp tục gọi cho T hỏi "*Chú về nhà chưa*", T trả lời "*Tao về rồi*" và cả ba đến phòng khách nhà T, K nói "*Chú để cháu năm trăm và cho bọn cháu chơi luôn ở đây*", T nói "*Vợ tao sắp về rồi không chơi được đâu*", K nói "*Cho cháu chơi một tý thôi, khi nào cô về thì thôi*" và T đồng ý; Thế A đưa cho T số tiền 500.000 đồng, T cầm tiền, đồng thời lấy trong túi quần đang mặc ra 01 túi nilon màu trắng bên trong có ma túy dạng đá chia ra một ít vào túi nilon khác và đưa cho K, K cầm và lấy 01 bộ coóng cùng L, Thế A sử dụng tại phòng khách nhà T bằng hình thức đốt để hít, khi vừa sử dụng xong thì bị Lực lượng Công an huyện T phối hợp với Công an xã T, huyện T bắt giữ; quá trình bắt giữ, K lợi dụng sơ hở chạy thoát. Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, L, Thế A và thu giữ vật chứng gồm:

Thu trong túi quần phía trước bên trái Đào Văn T đang mặc: 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01; 01 túi nilon màu hồng bên trong có 37 viên nén hình tròn màu đỏ có chữ "WY" được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02 và 06 viên nén hình tròn màu xanh trong đó có 03 viên có chữ WY, 02 viên có chữ "A" và 01 viên có chữ "Y1" được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT03.

Thu giữ trên nền phòng khách nhà Đào Văn T: 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm một chai nước nhựa hình trụ có chiều cao 21,5cm, có nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có 02 đoạn ống hút cắm xuyên qua; trong đó có 01 đoạn ống nhựa dài khoảng 46cm được nối bằng nhiều đoạn ống nhựa khác nhau, giữa các chỗ nối được dán bằng băng dính màu đỏ và 01 đoạn ống nhựa được gắn với coóng thủy tinh có chất bám dính màu đen trắng. Coóng thủy tinh được tháo ra và được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT04.

Thu giữ tại túi quần phía sau bên phải của Lê Thế A đang mặc: 04 tờ vé xổ số lô tô Hà Nam được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT05.

Thu giữ tại túi quần phía trước Đào Văn T đang mặc 01 chiếc điện thoại di động màu đen có chữ "itel" được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT06. Thu giữ trên mặt bàn uống nước ở phòng khách nhà T 01 túi nilon màu trắng có chứa chất bám dính dạng tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT07, 01 bật lửa màu xanh và 01 đoạn ống nhựa màu tím dài khoảng 04cm. Thu giữ trong tủ quần áo tại phòng ngủ nhà T 01 quần dài màu ghi trong túi quần trước bên phải có 01 túi nilon màu xanh tím than kích thước 8,5 x 6,5cm, bên trong có 196 viên nén màu đỏ có chữ "WY" được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX01 và 02 viên nén màu xanh có chữ "Y1" được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX02. Thu giữ trên nóc tủ trong phòng ngủ 01 vỏ hộp điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong có 01 túi nilon màu xanh kích thước 8,5 x 6,5cm bên trong có 116 viên nén màu đỏ có chữ "WY" được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX03 và 37 viên nén màu hồng có chữ "WY" được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX04, 08 viên nén màu xanh trong đó có 02 viên có chữ "WY", 05 viên có chữ "A" và 01 viên có chữ "Y1" được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX05. Thu giữ tại đầu giường trong buồng ngủ 01 túi xách màu đen bên trong có số tiền 5.833.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX06. Thu trong két sắt trong buồng ngủ 01 túi xách màu đen, bên trong có số tiền 1.000.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX07; 01 túi xách màu đen, bên trong có số tiền 4.230.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX08.

Tại Bản Kết luận giám định số 37 ngày 24/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Nam đã kết luận: *"Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,168g loại Methamphetamine; Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu QT02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,869g loại Methamphetamine; Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu QT03 gửi giám định có khối lượng 0,561g. Qua giám định Phòng Kỹ thuật hình sự chưa đủ cơ sở kết luận; 01 coóng thủy tinh trong phong bì ký hiệu QT04 gửi giám định có bám dính ma túy loại Methamphetamine; 01 túi nilon màu trắng bị rách một phần trong phong bì ký hiệu QT07 gửi giám định có bám dính ma túy loại Methamphetamine; Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu KX01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 18,986g loại Methamphetamine; Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu KX02 gửi giám định có khối lượng 0,180g. Qua giám định Phòng Kỹ thuật hình sự chưa đủ cơ sở kết luận; Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu KX03 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 11,224g loại Methamphetamine; Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu KX04 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,941g loại Methamphetamine; Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu KX05 gửi giám định có khối lượng 0,776g. Qua giám định Phòng Kỹ thuật hình sự chưa đủ cơ sở kết luận".*

Tại Bản Kết luận giám định số 2264/C09-TT2 ngày 29/4/2020 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an đã kết luận: *"Các mẫu trong phong bì ký hiệu KX05 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine.*

Tại Bản Kết luận giám định số 2309/C09-TT2 ngày 07/5/2020 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: *"Mẫu trong các niêm phong ký hiệu QT03 và KX02 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine (hàm lượng Methamphetamine trong các mẫu rất nhỏ)."*

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 15 giờ ngày 13/3/2020, Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L và Lê Thế A rủ nhau góp tiền đi mua ma túy đá về để sử dụng, cả ba góp được số tiền 500.000 đồng đưa cho K cầm. K sử dụng số điện thoại 0373.704.363 của mình gọi điện vào số điện thoại 0835.367.795 của Đào Văn T và nói *"Chú để cháu năm trăm và cho cháu chơi ở đây luôn"*, T trả lời *"Ừ lên sớm đi không vợ tao về"*. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở L, Thế A đi đến nhà T, K đưa cho T số tiền 500.000 đồng, T cầm tiền và đưa lại cho K 01 túi ma túy đá; cả ba sử dụng hết tại phòng khách nhà T bằng cách đốt rồi hít.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 30/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Đào Văn T về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 và điểm b, điểm d Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt Đào Văn T từ 17 năm 06 tháng đến 18 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đào Văn T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 26 năm đến 28 năm tù và phạt bổ sung từ 07 triệu đồng đến 08 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Trả lại chị Lại Thị L số tiền 10.563.000 đồng và 03 chiếc túi xách màu đen; trả lại bị cáo Đào Văn T 01 chiếc quần vải màu ghi; Thu giữ 04 vé xổ số lô tô Hà Nam để lưu hồ sơ vụ án; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng mà Đào Văn T thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy; Tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại di động bên trong có lắp một sim Vinaphone; Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ. Truy thu số tiền 500.000 đồng mà bị cáo thu lời bất chính từ việc bán ma túy ngày 13/3/2020.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; mức đề nghị của Viện kiểm sát là quá cao.

Lời nói sau cùng của bị cáo nhất trí với quan điểm của Luật sư bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm rõ ràng trong quá trình điều tra. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa bị cáo Đào Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, cũng như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản kết luận, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 18 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2020, Đào Văn T đã bán trái phép 01 gói ma túy cho Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L và Lê Thế A với giá 500.000 đồng; sau đó, đồng ý để cho K, L, Thế A sử dụng trái phép hết số ma túy đã bán tại phòng khách nhà T. Khám xét nhà Đào Văn T đã thu giữ 43,705 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích T cất giữ trái phép để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Ngoài ra khoảng 15 giờ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Đào Văn T còn bán trái phép 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng cho Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L và Lê Thế A; đồng thời, để K, Thế A, L sử dụng trái phép hết số ma túy tại phòng khách nhà mình.

Bị cáo Đào Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là trái pháp luật và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Tại phiên tòa, bị cáo nhận thức rõ việc để Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L và Lê Thế A sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà bị cáo là vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự và làm gia tăng các loại tội phạm. Các chứng cứ buộc tội bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận truy tố của Viện kiểm sát; kết luận bị cáo Đào Văn T phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 và điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, năm 1990 bị Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 16 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân và Cướp tài sản xã hội chủ nghĩa”; năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; năm 2011 bị Công an huyện Thanh Liêm xử phạt hành chính với số tiền 700.000 đồng về hành vi cung cấp địa điểm cho hoạt động mại dâm. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đó là phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năm hồi cải; có bố mẹ vợ (ông Lại Văn G, bà Lại Thị T) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ để giáo dục bị cáo, đồng thời ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, cũng như phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Đào Văn T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như đại diện diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Riêng hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy không vì mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc quần vải màu ghi mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ là tài sản hợp pháp của Đào Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo; Đối với số tiền 11.063.000 và 03 chiếc túi xách màu đen đã thu giữ, trong đó có 500.000 đồng là tiền của Đào Văn T bán ma túy cho K, L và Thế A mà có, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, còn lại 10.563.000 đồng và 03 chiếc túi xách là tài sản hợp pháp của chị Lại Thị L (vợ bị cáo) không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho chị L; Về chiếc điện thoại di động màu đen có chữ “itel” bên trong có lắp 01 sim Vinaphone và 01 sim đã bị cắt của bị cáo T dùng để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu chiếc điện thoại để sung quỹ Nhà nước, còn 02 chiếc sim điện thoại hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Đối với chiếc bật lửa ga màu xanh và 01 chai nhựa màu trắng, 01 vỏ hộp điện thoại di động, cùng toàn bộ số ma túy đã thu giữ cần tịch thu tiêu hủy; Riêng 04 vé xổ số lô tô Hà Nam mà Cơ quan điều tra thu giữ của Lê Thế A không trúng thưởng, đến nay không có giá trị, bản thân Thế A không có nhu cầu lấy lại và đang lưu trong hồ sơ. Nay, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[6] Về số tiền 500.000 đồng mà bị cáo T đã bán trái phép chất ma túy ngày 13/3/2020 cho Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L và Lê Thế A bất hợp pháp cần truy thu để sung quỹ Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[7] Đối với Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L và Lê Thế A đã có hành vi góp tiền đi mua và sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở của Đào Văn T vào các ngày 13/3/2020 và 17/3/2020, do các đối tượng đã sử dụng hết ma túy nên không xác định được khối lượng ma túy. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với K, L và Thế A; Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với K, L, Thế A mỗi người 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp với Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

[8] Về nguồn gốc số ma túy Đào Văn T có để bán cho Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L, Lê Thế A vào ngày 13/3/2020, theo T khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết làm nghề xe ôm tại khu vực cầu Phủ Lý thuộc thành phố Phủ Lý với giá 300.000 đồng, sau đó T đã bán lại cho K, L và Thế A với giá 500.000 đồng. Do chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ, nhân thân, lai lịch của người đàn ông đã bán ma túy cho T nên chưa đủ căn cứ xử lý trong vụ án này. Đối với số ma túy Đào Văn T bán cho Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân L, Lê Thế A và số ma túy đã bị thu giữ tại nhà T vào ngày 17/3/2020 là do T mua của một người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/3/2020, tại khu vực gần cây xăng T, huyện T với giá 4.500.000 đồng, T trả trước cho T số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000 đồng. Do không biết rõ nhân thân, lai lịch của T nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối tượng tên T, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ xử lý T theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với chiếc xe máy Nguyễn Văn K sử dụng để chở Nguyễn Xuân L, Lê Thế A đến nhà Đào Văn T mua trái phép chất ma túy vào ngày 13/3/2020, Nguyễn Văn K khai nhận mượn của một người đàn ông K biết mặt nhưng không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, không nhớ Biển kiểm soát của xe, K cũng không nói cho người đàn ông đó biết việc mượn xe để đi mua trái phép chất ma túy và K đã trả chiếc xe máy cho người đàn ông đó nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án. Riêng chiếc điện thoại có lắp sim số thuê bao 0373.704.363 mà Nguyễn Văn K sử dụng liên lạc với Đào Văn T để mua trái phép chất ma túy, K khai nhận trong quá trình lực lượng Công an bắt giữ Đào Văn T vào ngày 17/3/2020, K đã lợi dụng bỏ chạy và đánh rơi chiếc điện thoại nên không có căn cứ xử lý.

[10] Đối với người lái xe taxi đã chở K, L, Thế A đi đến khu vực gần nhà Đào Văn T ngày 17/3/2020 để K, L, Thế A mua trái phép chất ma túy do K, L, Thế A không nói cho người lái taxi biết việc đi mua ma túy và không quen biết người lái xe này, không nhớ Biển số xe, nên không đủ căn cứ để xác minh làm rõ.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Đào Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Đào Văn T 17 (mười bảy) năm tù.

2. Căn cứ điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Đào Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

3. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đào Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 25 (hai mươi lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2020.

4. Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Phạt bị cáo Đào Văn T 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

5. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) phong bì niêm phong đều có số 37/PC09-M, 01 (một) phong bì niêm phong số 2264/C09-(TT2), 01 (một) phong bì niêm phong số 2309/C09- (TT2), 01 (một) chai nhựa màu trắng, 01 (một) bật lửa ga màu xanh, 01 (một) đoạn ống nhựa màu tím, 01 (một) vỏ hộp điện thoại di động màu trắng in nhãn hiệu OPPO và 01 (hai) sim điện thoại.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, loại phím bấm, mặt trước có chữ “itel”.

Truy thu số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại Đào Văn T 01 (một) quần vải (loại quần âu) màu ghi và trả lại chị Lại Thị L 03 (ba) túi xách màu đen.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và trả lại chị Lại Thị L số tiền 10.563.000đ (mười triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

(Theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản số 33 Năm NS:2020 lập ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa Công an tỉnh Hà Nam và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam).

6. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Đào Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T, huyện T;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy